

Bản án số: 521/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 04/11/2021

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hòa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Đạt

Ông Nguyễn Phúc Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân
quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Phương Nhung - Kiểm sát viên

Trong ngày 04 tháng 11 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 224/2021/TLST-HNGĐ ngày 14/4/2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/9/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18/10/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1961. Địa chỉ: số X, ngõ Y khu tập thể C, tổ dân phố 10, phường V, quận H, thành phố Hà Nội (nay là số X, ngõ Y, đường V, tổ dân phố 10, phường V, quận H, thành phố Hà Nội). Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Danh T, sinh năm 1960. Địa chỉ thường trú và nơi cư trú cuối cùng: Khu tập thể C, tổ dân phố 10, phường V, quận H, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: (có đơn xin vắng mặt)

+ Chị Nguyễn Vân A, sinh năm 1986. Trú tại: Thôn N, xã N, huyện T, Hà Nội.

- + Anh Nguyễn Anh D, sinh năm 1988.
- + Chị Nguyễn Thị L; sinh năm 1988
- + Cháu Nguyễn Kim T; sinh năm 2010 (do anh D là đại diện)
- + Cháu Nguyễn Thu H; sinh năm 2013. (do anh D là đại diện)

Đều trú tại: Số X, ngõ Y Khu tập thể C, tổ dân phố 10, phường V, quận H, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn ly hôn, bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là bà Trần Thị T trình bày:

Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Danh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Yên Kiêu, thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Sơn Bình ngày 20/12/1984. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn. Ngày 30/4/1988, ông Nguyễn Danh T đã bỏ nhà đi, đi đâu gia đình không được biết. Từ đó đến nay gia đình bà cũng như gia đình ông T đã tìm cách liên hệ, tìm kiếm nhưng không có kết quả, không có tin tức gì của ông T.

Năm 2019, bà T đã đề nghị và được Tòa án quận Hà Đông T bỏ mất tích đối với ông Nguyễn Danh T theo quyết định số 21/QĐST- VDS ngày 27/11/2019. Từ đó đến nay, ông T vẫn không trở về, gia đình cũng không ai có tin tức gì về ông T. Vợ chồng bà thực tế đã không chung sống, không có tình cảm, trách nhiệm gì với nhau từ nhiều năm nay. Để thuận tiện nhiều việc liên quan trong gia đình, bà đề nghị Tòa án nhân dân quận Hà Đông, Hà Nội giải quyết cho bà được ly hôn ông Nguyễn Danh T.

Về con chung: Quá trình chung sống, ông bà có hai con chung là Nguyễn Văn A, sinh năm 1986 và Nguyễn Anh D, sinh năm 1988. Sau khi ông T bỏ đi, bà một mình nuôi dạy các con. Nay các con ông bà đều đã trưởng thành và có gia đình riêng.

Về tài sản chung của vợ chồng: Khi còn trẻ vợ chồng ông bà là công nhân của Xí nghiệp cánh kiến đỏ Hà Đông. Năm 1997, bà Trần Thị T được UBND thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây thanh lý nhà ở và giao đất làm nhà ở gia đình tại thửa đất số 43, diện tích 47m² tại Tập thể Công ty lâm sản Tây Bắc. Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số I555624 ngày 15/4/1997 mang tên bà Trần Thị T do Ủy ban nhân dân Thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây cấp. Năm 2008, bà đã xây dựng nhà ở 3 tầng và cùng 02 con quản lý, sử dụng, sinh sống từ đó đến nay. Hiện nay con dâu và các cháu nội của bà cũng đang sinh sống tại đây.

Thấy rằng các con bà đã có gia đình riêng, cần sử dụng phần nào tài sản của bố mẹ để tạo lập cuộc sống. Bà đề nghị Tòa án giao cho bà được sử dụng, định đoạt toàn bộ nhà đất nêu trên và thanh toán cho ông T phần ông T được hưởng. Về diện tích thực tế nhà xây dựng và diện tích đất tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có sự khác nhau, bà trình bày: Khi xây dựng nhà, gia đình bà có bớt lại 02 bức tường cho 02 nhà bên cạnh do tường chung nhà cấp 4 không thể phá dỡ, nên diện tích nhà của bà tại tầng 1 ít hơn diện tích đất thực tế bà được cấp theo bìa đỏ. Bà nhất trí không có khiếu nại thắc mắc gì về việc này.

Ngoài tài sản này, vợ chồng bà không còn tài sản chung nào khác. Vợ chồng bà không có nợ chung.

Bố mẹ ông T đều đã mất, các con của ông T, bà T đều nhất trí đề nghị Tòa án giao toàn bộ tài sản cho bà T được quyền quản lý sử dụng, định đoạt để thuận tiện trong cuộc sống của bà T và các con.

Biên bản định giá của Tòa án nhân dân quận Hà Đông thiết lập ngày 18/6/2021, thể hiện giá trị tài sản chung là nhà đất tại thửa đất số 43, diện tích 47m², khu tập thể công ty Lâm sản Tây Bắc, xã Vạn Phúc, thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây (nay là số X, ngõ Y, đường V, tổ dân phố 10, phường V, quận H, thành phố Hà Nội) hiện đang do bà Trần Thị T quản lý và sử dụng như sau:

- Giá trị quyền sử dụng đất: $47\text{m}^2 \times 50.000.000 \text{ đồng} / 1\text{m}^2 = 2.350.000.000$ đồng.

- Giá trị nhà xây dựng năm 2008, khấu hao 52%, còn lại 48%, đơn giá xây dựng 5.971.000 đồng/1m² có giá trị: $5.971.000 \text{ đồng} \times 137,4\text{m}^2 \times 48\% = 393.799.392$ đồng.

Tổng giá trị tài sản 2.743.799.392 đồng (*hai tỷ bảy trăm bốn ba triệu, bảy trăm chín chín nghìn, ba trăm chín hai đồng*).

Tại phiên tòa:

Bà T giữ nguyên yêu cầu. Ông T vắng mặt. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người tiến hành tố tụng, nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, có đủ căn cứ xác định vợ chồng ông bà đã không còn chung sống, không có tình cảm, không có trách nhiệm vợ chồng với nhau từ nhiều năm nay, tình cảm vợ chồng không còn; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc xin ly hôn ông Nguyễn Danh T và giao toàn bộ tài sản nhà đất cho bà T được quyền sở hữu, sử dụng. Bà T được hưởng 2/3 giá trị tài sản và có trách nhiệm thanh toán 1/3 phần giá trị tài sản cho ông T. Giao phần ông T được hưởng cho các con ông T là chị Vân A, anh D quản lý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt; bị đơn vắng mặt không có lý do theo nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Danh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Yết Kiêu, thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Sơn Bình ngày 20/12/1984 nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn. Ngày 30/4/1988, ông Nguyễn Danh T đã bỏ nhà đi, đi đâu gia đình không được biết. Từ đó đến nay gia đình bà cũng như gia đình ông T đã tìm cách liên hệ, tìm kiếm nhưng không có kết quả cũng không ai có tin tức gì của ông T. Năm 2019, bà T đã đề nghị và được Tòa án quận Hà Đông T bố mất tích đối với ông Nguyễn Danh T theo quyết định số 21/QĐST- VDS ngày 27/11/2019. Từ đó đến nay, ông T vẫn không trở về, gia đình cũng không ai có tin tức gì về ông T.

Xét thấy vợ chồng ông bà thực tế đã không còn chung sống, không có trách nhiệm, tình cảm vợ chồng với nhau từ nhiều năm nay. Đến nay bà T xin ly hôn ông T, căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị T với ông Nguyễn Danh T.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, ông bà đã có hai con chung là Nguyễn Văn A, sinh năm 1986 và Nguyễn Anh D, sinh năm 1988. Các con ông bà đều đã trưởng thành và có gia đình riêng nên bà T không yêu cầu xem xét việc nuôi con chung.

[4] Về tài sản, nợ chung của vợ chồng: Sau khi ông T bỏ đi, bà T một mình nuôi hai con. Năm 1997 bà Trần Thị T được UBND thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây thanh lý nhà và giao đất làm nhà ở gia đình tại thửa đất số 43, diện tích 47m² tại Tập thể Công ty lâm sản Tây bắc, xã Vạn Phúc, thị xã Hà Đông, Hà Tây (nay là số X, ngõ Y, đường V, tổ dân phố 10, phường V, quận H, thành phố Hà Nội). Bà T đã được Ủy ban nhân dân Thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I555624 ngày 15/4/1997 mang tên bà Trần Thị T. Năm 2008, bà xây dựng nhà ở 3 tầng và cùng 02 con quản lý, sử dụng, sinh sống từ đó đến nay. Ngoài tài sản này, vợ chồng bà không có nợ chung, không còn tài sản chung nào khác.

Hội đồng xét xử xác định nhà đất tại thời điểm định giá ngày 18/6/2021 là 2.743.799.392 đồng (*hai tỷ bảy trăm bốn ba triệu, bảy trăm chín chín nghìn, ba trăm chín hai đồng*) là tài sản chung của vợ chồng ông Nguyễn Danh T, bà Trần Thị T theo quy định tại điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên phần công sức đóng góp của bà T là chủ yếu đối với tài sản này nên cần giao cho bà hưởng 2/3 giá trị tài sản, giao ông T hưởng 1/3 giá trị tài sản.

Đến nay, bà T và các con chung của bà T, ông T đều đề nghị Tòa án giao cho bà T quyền sở hữu, sử dụng, định đoạt toàn bộ nhà đất nêu trên.

Xét thấy phần nhà đất có diện tích 47m² không phù hợp để phân chia bằng hiện vật; mặt khác ông T hiện không có mặt tại địa phương, không có nhu cầu sử dụng tài sản này nên cần chấp nhận nguyện vọng của bà T và các con chung, giao cho bà T sở hữu, sử dụng, định đoạt toàn bộ nhà đất. Bà T phải thanh toán trả ông

T 1/3 giá trị nhà đất là 914.600.000 đồng, bà T được hưởng 2/3 giá trị nhà đất là 1.829.199.392 đồng.

Bố mẹ đẻ ông T là ông Nguyễn Danh K (mất năm 1988) và bà Ngô Thị C (mất năm 2020) nên Hội đồng xét xử xác định các con đẻ của ông T là chị Nguyễn Vân A, sinh năm 1986; anh Nguyễn Anh D, sinh năm 1988 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quản lý phần tài sản của ông T theo quy định tại Điều 66, 67, 69 Bộ luật dân sự.

[5] Về án phí: Bà T, ông T là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Luật người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Căn cứ điều 33, 56 Luật hôn nhân và gia đình; điều 147; khoản 2 Điều 227, điều 271, điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 66, điều 67, điều 69 Bộ luật dân sự; Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Luật Người cao tuổi.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị T với ông Nguyễn Danh T.

Xử bà Trần Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Danh T.

2. Về tài sản chung:

- Xác nhận tài sản chung của bà Trần Thị T và ông Nguyễn Danh T là nhà đất tại thửa đất số 43, diện tích 47m², Khu tập thể Công ty Lâm sản Tây Bắc, xã Vạn Phúc, thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây (nay là số X, ngõ Y, đường V, tổ dân phố 10, phường V, quận H, thành phố Hà Nội) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I555624 ngày 15/4/1997 do Ủy ban nhân dân Thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây cấp mang tên bà Trần Thị T. Trị giá tài sản tại thời điểm định giá ngày 18/6/2021 là 2.743.799.392 đồng (*hai tỷ bảy trăm bốn ba triệu, bảy trăm chín chín nghìn, ba trăm chín hai đồng*).

- Phần giá trị tài sản bà T được hưởng là 1.829.199.392 đồng (*một tỷ tám trăm hai chín triệu, một trăm chín chín nghìn, ba trăm chín hai đồng*). Phần giá trị tài sản ông Nguyễn Danh T được hưởng là 914.600.000 đồng (*chín trăm mười bốn triệu, sáu trăm nghìn đồng chẵn*).

- Giao cho bà Trần Thị T toàn bộ quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất tại thửa đất số 43, diện tích 47m², khu tập thể Công ty Lâm sản Tây Bắc, xã Vạn Phúc, thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây (nay là số X, ngõ Y, đường V, tổ dân phố 10, phường V, quận H, thành phố Hà Nội) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I555624 ngày 15/4/1997 do Ủy ban nhân dân Thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây cấp mang tên bà Trần Thị T (có sơ đồ chi tiết kèm theo).

Bà T được thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến quyền sở hữu, sử dụng, định đoạt nhà đất nói trên tại các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo thủ tục chung.

- Bà Trần Thị T có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Danh T 914.600.000 đồng (*chín trăm mười bốn triệu, sáu trăm nghìn đồng chẵn*). Giao chị Nguyễn Vân A và anh Nguyễn Anh D quản lý đối với phần tài sản ông T được hưởng.

3. Về án phí: Bà Trần Thị T, ông Nguyễn Danh T được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà T được miễn nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Trả lại bà Trần Thị T số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 0010048 ngày 14/4/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- VKSND quận Hà Đông;
- THADS quận Hà Đông;
- Dương sự
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Thu Hòa